

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31 tháng 7 năm 2019

(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế - Bà Nguyễn Lệ Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2019/QĐXX-ST ngày 28/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐ-HPT ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 03/9/1990.

Địa chỉ cư trú: xóm 2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đậu Trọng S, sinh ngày 11/9/1991.

Địa chỉ cư trú: xóm 2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, trình bày của các đương sự trong quá trình hòa giải và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

Chị Nguyễn Thị S và anh Đậu Trọng S cưới nhau vào tháng 3/2012, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới chị S, anh S đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05 ngày 30/01/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là anh S nghiện ngập, đã được cai nghiện nhưng không bỏ được việc nghiện ngập, không có tiền bộ để cùng chị S xây dựng hôn nhân bền vững, mọi việc trong gia đình đều do chị S lo liệu, tiền bạc anh S làm ra thì anh S đã sử dụng vào ăn chơi thâu đêm suốt sáng. Ngoài ra anh S sống không chung thủy có quan hệ với người phụ khác, người

phụ nữ do anh S ngoại tình đã đến nhà tìm gặp anh S. Chị S đã góp ý để anh S sửa đổi, tính cách lối sống để vợ chồng tiếp tục sống với nhau, nhưng anh S không thay đổi, ngày càng hư hỏng hơn, nên chị S đã về bên ngoại sống ly thân từ tháng 3/2017 cắt đứt các quan hệ với anh S cho đến nay. Anh Đậu Trọng S thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị S đã trình bày, anh S cho rằng việc nghiện ngập ma túy là do bạn bè lôi kéo, không làm chủ được bản thân dẫn đến nghiện ma túy, đối với việc ngoại tình là chỉ giải quyết sinh lý không có yêu đương gì với người phụ nữ mà chị S ghen tuông. Anh S khẳng định sau khi đi cai nghiện 2 năm thành công, anh trở về nhà đã thay đổi mình không còn hư hỏng nữa như trước kia nữa, mong chị S nghĩ lại tạo điều kiện cho anh níu kéo hôn nhân. Chị S cho rằng nhưng lời nói của anh S không đúng với sự thật, sau khi đi cai nghiện về thì anh S không có biểu hiện tốt hơn, thậm chí còn có biểu hiện xấu hơn, uống rượu say đến nhà bên ngoại để quậy phá, gây khó dễ cho vợ và bên ngoại gây bất bình cho nhiều người. Chị S thấy đã mất hết niềm tin, tình cảm đối với anh S nên chị không yêu cầu bạn xóm, chính quyền địa phương, gia đình tổ chức hòa giải, chị quyết định sẽ chấm dứt hôn nhân, đã sống ly thân nộp đơn yêu cầu tòa giải quyết cho cho được ly hôn anh Đậu Trọng S giải phóng hôn nhân. Quá trình hòa giải anh S khẳng định còn rất yêu vợ, còn có tình cảm đối với vợ, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh không nhất trí, đề nghị tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị S.

-Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị S, anh S có với nhau 02 con chung cháu Đậu Thị Lê N(Giới tính: nữ) sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đậu Thị Thảo M(Giới tính: nữ) sinh ngày 04/2/2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung được chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh S không có trách nhiệm gì đối với con chung. Chị S đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, anh S đề nghị giao cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đậu Thị Thảo M(Giới tính: nữ) sinh ngày 04/2/2014, giao cháu Đậu Thị Lê N(Giới tính: nữ) sinh ngày 11/9/2012 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị S, anh Đậu Trọng S không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị S, anh Đậu Trọng S yêu cầu chị, anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, Tòa án chỉ tiến hành hòa giải vụ án được một lần, những lần tiếp theo chị S có mặt, anh S không chấp hành, cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất

nguyên đơn chị Nguyễn Thị S có mặt, bị đơn anh Đậu Trọng S vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị S, anh S, tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị S có mặt, bị đơn anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Đậu Trọng S.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Đậu Trọng S đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05 ngày 30/01/2012 qua đó thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Đậu Trọng S là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S, anh S đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là do anh S nghiện ngập, ngoại tình, không có trách nhiệm đối với gia đình vợ con, chị S không thông cảm, sống thiếu niềm tin đối với chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng đã cự cãi, va chạm, xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến mất hết tình cảm, hôn nhân rạn nứt, mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày tháng 3/2017. Sau khi các bên sống ly thân vợ, chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ, liên lạc. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị S và anh S thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên. Nay chị Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đậu Trọng S là có căn cứ, cần sự chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị S đối với anh Đậu Trọng S.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được chị S trực tiếp nuôi dưỡng, mặc dù không có sự hỗ trợ về vật chất, tinh thần của anh S, nhưng chị S vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Anh S có đề nghị giao cho anh nuôi một con chung, nhưng xét thấy anh không đủ điều kiện vật chất và tinh thần để trực tiếp nuôi con, nếu giao cho anh nuôi con thì quyền lợi con chung của vợ chồng không được đảm bảo, thiệt thòi quyền lợi của trẻ em. Do vậy chị S đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị S.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Đậu Trọng S cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S cho đến lúc có yêu cầu.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị S, anh Đậu Trọng S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Đậu Trọng S.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Đậu Thị Lê N (Giới tính: nữ) sinh ngày 11/9/2012 và cháu Đậu Thị Thảo M (Giới tính: nữ) sinh ngày 04/2/2014 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đậu Trọng S cho đến lúc có yêu cầu.

Anh Đậu Trọng S người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003764 ngày 18/6/2019 tại Chi cục thi hành án Yên Thành, chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh NA. - Lưu HS
- UBND xã Đ (ĐKKH)

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc